

Bản án số: 05/2026/DS-ST

Ngày: 30/01/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân
2. Ông Nguyễn Văn Thư

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Không.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị X - sinh năm 1982

Số CCCD: 038182xxxxxx

Địa chỉ: xóm Đ, xã B, tỉnh T.

- **Bị đơn:** 1. Bà Vũ Thị Thuý A - sinh năm 1985

Số CCCD: 038185xxxxxx

Địa chỉ: khu 3, xã V, tỉnh T.

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn là bà Lê Thị X trình bày:

Qua ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1984, trú tại khu phố N, xã V, tỉnh T nên bà X và bà Vũ Thị Thuý A, sinh năm 1985, trú tại khu 3, xã V, tỉnh T có quen biết nhau. Vì vậy, trong năm 2022 bà X đã nhiều lần cho bà Thuý A vay tiền. Cụ thể:

Ngày 28/5/2022, bà X đã cho ông Nguyễn Thành T và bà Vũ Thị Thuý A vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), ông T và bà A đã thống nhất chuyển số

tiền vay vào tài khoản của bà A nên bà X đã chuyển khoản vào tài khoản của bà A làm 02 lần (một lần 300.000.000 đồng và một lần 100.000.000 đồng đều trong ngày 28/5/2022) khi vay ông T và bà A đã viết giấy vay nợ với bà X. Trong giấy vay tiền hai bên không ghi lãi suất nhưng có thoả thuận bằng lời nói với nhau là lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày. Khi vay, ông T và bà A hẹn đến ngày 28/6/2022 sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi cho bà X. Nhưng đến hạn bà X đòi nợ thì bà A chuyển khoản cho bà X 12.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó không trả nữa. Số tiền này là ông T, bà A vay chung nên bà X đã khởi kiện bằng một vụ án khác không liên quan đến khoản vay riêng của bà A.

Đối với khoản vay 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) bà Vũ Thị Thuý A viết giấy vay tiền với bà X vào ngày 03/8/2022, thực tế là tiền cộng dồn các khoản vay trước đó bà X đã chuyển khoản cho bà A và cho bà A vay tiền mặt mà bà A chưa viết giấy vay tiền cho bà X, khi vay hai bên có thoả thuận thống nhất bằng miệng với nhau lãi suất là 1.000 đồng/triệu/ngày. Trong thời gian vay nợ bà A cũng đã có vài lần chuyển khoản trả nợ cho bà X. Cụ thể:

Bà X cho bà A vay tiền mặt: Ngày 31/5/2022, vay 27.000.000 đồng.

Những lần bà X chuyển khoản cho bà A vay là: Ngày 31/5/2022, vay 160.000.000 đồng; ngày 01/6/2022, vay 100.000.000 đồng; ngày 14/6/2022, vay 100.000.000 đồng; ngày 29/6/2022, vay 105.000.000 đồng (được chuyển khoản làm 02 lần, một lần 100.000.000 đồng và một lần 5.000.000 đồng); Ngày 05/7/2022, vay 100.000.000 đồng; ngày 13/7/2022, vay 4.000.000 đồng; ngày 15/7/2022, vay 10.000.000 đồng; ngày 27/7/2022, vay 30.000.000 đồng; ngày 29/7/2022, vay 1.000.000 đồng; ngày 01/8/2022, vay 30.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 667.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Những lần bà Vũ Thị Thuý A chuyển khoản trả nợ cho bà X là: Ngày 13/6/2022 trả 201.000.000 đồng; ngày 05/7/2022, trả 7.800.000 đồng; ngày 14/7/2022, trả 4.000.000 đồng; ngày 28/7/2022, trả 4.000.000 đồng; ngày 01/8/2022, trả 21.000.000 đồng. Tổng số tiền bà A đã trả cho bà X là 237.800.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng.)

Vì vậy, đến ngày 03/8/2022 bà Vũ Thị Thuý A và bà X đã thống nhất chốt những khoản tiền vay nợ chưa viết giấy với nhau. Sau khi cộng tổng những lần bà X chuyển khoản cho bà A vay và khoản vay tiền mặt trừ đi số tiền bà A đã chuyển khoản trả nợ cho bà X, bà A còn nợ lại là 429.200.000 đồng (bốn trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Nhưng từ ngày vay 31/5/2022 đến ngày 03/8/2022 chưa tính tiền lãi nên bà X và bà A đã thống nhất cả gốc và lãi làm tròn thành 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng), tính từ ngày 03/8/2022 cho đến ngày trả nợ (một tháng sau). Vì thế, bà A đã viết giấy vay tiền với bà X, số tiền nợ là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng); thời hạn vay 01 tháng bà A phải trả đủ số tiền trên cho bà X. Nhưng từ khi viết giấy chốt nợ với bà X đến nay

bà A chưa trả cho bà X được đồng nào, bà X đã đòi nhiều lần nhưng bà A vẫn cố tình khất lần không trả nợ cho bà X.

Nay bà X khẳng định khoản vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) ngày 28/5/2022 và khoản vay 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) viết giấy vay tiền vào ngày 03/8/2022 là hai khoản nợ khác nhau, không liên quan gì đến nhau. Khoản vay 400.000.000 đồng là bà X cho ông T và bà A vay tiền (khoản vay này bà X đã làm đơn khởi kiện ở một vụ án dân sự khác), khoản vay 440.000.000 đồng là khoản vay riêng của bà A. Hiện nay, bà A vẫn chưa trả nợ cho bà X.

Nay bà X đề nghị Toà án buộc bà Vũ Thị Thuý A phải có trách nhiệm trả nợ cho bà X số tiền đã vay mà hai bên thống nhất chốt nợ vào ngày 03/8/2022 là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Vì bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà X đề nghị Toà án buộc bà A phải trả lãi cho bà X theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng tính từ ngày bà A vi phạm nghĩa vụ là ngày 04/8/2022 trên số tiền nợ 440.000.000 đồng cho đến khi bà A trả hết nợ cho bà X. Tất cả những lần bà X và bà A giao dịch chuyển khoản với nhau bà X đều có sao kê ngân hàng và đã nộp cho Toà án.

Tại bản tự khai ngày 28/10/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn là bà Vũ Thị Thuý A trình bày:

Ngày 28/5/2022, bà A có vay của bà Lê Thị X số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất hai bên tự thoả thuận. Khi vay, có ông Nguyễn Thành T làm chứng. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà A vẫn chưa trả được nợ cho bà X. Vì vậy, ngày 03/8/2022 tại nhà bà X, bà X có nói bà A phải viết lại giấy vay nợ 400.000.000 đồng tiền gốc và cộng 40.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng khoản vay là 440.000.000 đồng sau đó bà X sẽ trả lại giấy cũ cho bà A, nhưng viết xong thì bà X không trả lại giấy cũ cho bà A mà giữ cả hai giấy vay tiền. Do đó, bà A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X về việc yêu cầu bà phải trả số tiền nợ 440.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa bà Lê Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Vũ Thị Thuý A phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi trả hết số nợ. Bà Vũ Thị Thuý A cho rằng, trong khi bà đang nợ bà X 400.000.000 đồng chưa trả được thì không có lý do gì bà X lại cho bà A vay thêm tiền. Vì vậy, bà A không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị Thuý A phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh, bà A cư trú tại xã V, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa theo **Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.**

Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà X và bà A không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về khoản tiền nợ gốc: Tại giấy vay tiền đề ngày 03/8/2022, thể hiện bà Vũ Thị Thuý A có vay của bà Lê Thị X số tiền 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Thời hạn vay một tháng, bà A phải trả đủ số tiền trên. Ngoài ra bà X còn xuất trình thêm bản sao kê ngân hàng, ngoài số tiền ngày 28/5/2022, bà X đã chuyển khoản đến tài khoản 0843231999 của bà A tại ngân hàng MB số tiền là 400.000.000 đồng. thì từ ngày 31/5/2022 đến ngày 01/8/2022 bà X đã nhiều lần chuyển khoản cho bà A vay tiền, cụ thể: **Ngày 31/5/2022, chuyển 160.000.000 đồng; ngày 01/6/2022, chuyển 100.000.000 đồng; ngày 14/6/2022, chuyển 100.000.000 đồng; ngày 29/6/2022, chuyển 105.000.000 đồng (được chuyển khoản làm 02 lần, một lần 100.000.000 đồng và một lần 5.000.000 đồng); Ngày 05/7/2022, chuyển 100.000.000 đồng; ngày 13/7/2022, chuyển 4.000.000 đồng; ngày 15/7/2022, chuyển 10.000.000 đồng; ngày 27/7/2022, chuyển 30.000.000 đồng; ngày 29/7/2022, chuyển 1.000.000 đồng; ngày 01/8/2022, chuyển 30.000.000 đồng.** Ngoài ra, ngày 31/5/2022 bà X còn cho bà A vay 27.000.000 đồng tiền mặt. Tổng số tiền bà X cho bà A vay là 667.000.000 đồng. Quá trình vay nợ, bà A cũng đã chuyển khoản trả tiền cho bà X 04 lần, với tổng số tiền là 237.800.000 đồng. Ngày 03/8/2022 bà A mới viết giấy vay tiền, thực tế là giấy chốt nợ với bà X. Bà A không xuất trình được chứng cứ để chứng minh số tiền từ ngày 31/5/2022 đến ngày 01/8/2022 giữa bà A và bà X giao dịch với nhau vì mục đích gì. Bà A là người có năng lực hành vi dân sự, khi bà X bảo bà A viết giấy vay tiền mới để trả lại giấy vay tiền trước đó. Sau khi bà A viết xong, bà X không trả cho lại giấy vay tiền trước đó cho bà A, nhưng bà A cũng không có ý kiến gì, không báo cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu được giải quyết. Vì thế, lời khai của bà A không có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, bà A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Việc bà X yêu cầu bà A phải trả cho bà X số tiền nợ gốc đã vay là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp

nhận. Buộc bà Vũ Thị Thuý A phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị X số tiền nợ gốc đã vay là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về lãi xuất: Trong giấy vay nợ không thoả thuận lãi suất. Như vậy khẳng định đây là hợp đồng cho vay có thời hạn và không có lãi. Đến hạn bà A không trả nợ nên bà X yêu cầu bà A phải trả lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của BLDS nên được chấp nhận. Trong giấy vay tiền đề ngày 03/8/2022 thể hiện số tiền vay là 440.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Ngày bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 04/8/2022 đến ngày xét xử (ngày 30/01/2025) là 41 tháng 26 ngày: $440.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 41 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 152.897.000 \text{ đồng}$.

Buộc bà Vũ Thị Thuý A phải trả cho bà Lê Thị X số tiền lãi phát sinh là: 152.897.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là: 440.000.000 đồng + 152.897.000 đồng = 592.897.000 đồng (năm trăm chín mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà X được chấp nhận nên bà Vũ Thị Thuý A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 147; Điều 220; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; Điều 466, Điều 468; khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

2. Buộc bà Vũ Thị Thuý A phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị X số tiền nợ gốc đã vay là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Buộc bà Vũ Thị Thuý A phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị X số tiền lãi phát sinh là 152.897.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Tổng số tiền cả gốc và lãi bà Vũ Thị Thuý A phải trả cho bà Lê Thị X là: 440.000.000 đồng + 152.897.000 đồng = 592.897.000 đồng (năm trăm chín mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và bà Lê Thị X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị Thuý A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Vũ Thị Thuý A phải chịu 27.715.880 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm mười lăm nghìn, tám trăm tám mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai số 0001339 ngày 10/10/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực 7;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang